

Số: /QĐ-UBND

An Lão, ngày tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia  
TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân huyện An Lão**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 4109/2014/QĐ-BKHCN ngày 17/01/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan hành chính nhà nước thuộc các Sở, ngành thành phố Hải Phòng;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc kiện toàn Ban chỉ đạo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão*

*Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO huyện.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân huyện An Lão phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Ban chỉ đạo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng các phòng, các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Sở KH&CN (để b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như điều 3;
- VP HĐND&UBND huyện (để niêm yết);
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Hà Thế Vinh**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND HUYỆN AN LÃO ĐƯỢC CÔNG BỐ**  
**PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024  
của UBND huyện An Lão )*

**1. MỤC ĐÍCH:**

Tài liệu này mô tả phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của UBND huyện An Lão

**2. PHẠM VI HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG:**

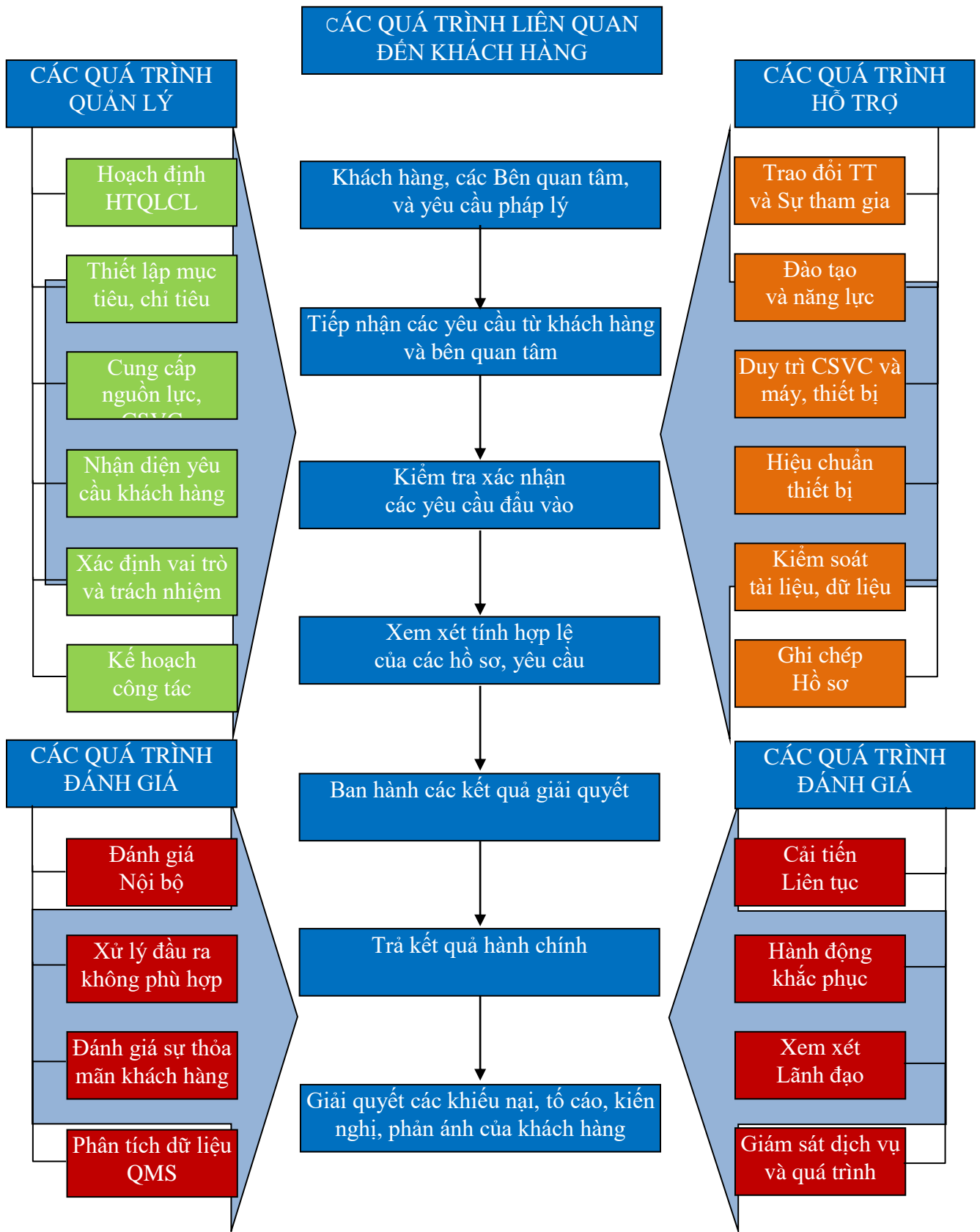
**2.1 Hệ thống quản lý chất lượng của UBND huyện An Lão áp dụng cho phạm vi như sau:**

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các lĩnh vực:

- 1) Lĩnh vực Văn Phòng
- 2) Lĩnh vực Nội Vụ
- 3) Lĩnh vực Tư pháp
- 4) Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường
- 5) Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội
- 6) Lĩnh vực Kinh tế và Hạ tầng (Công thương, Quy hoạch và quản lý xây dựng, Giao thông vận tải)
- 7) Lĩnh vực Y tế
- 8) Lĩnh vực Giáo dục
- 9) Lĩnh vực Du lịch - Văn hóa - Thông tin
- 10) Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch
- 11) Lĩnh vực Nông nghiệp
- 12) Lĩnh vực Thanh tra,

2. Cung cấp dịch vụ hành chính công nhằm giải quyết các thủ tục hành chính theo danh mục trong phụ lục này.

Các quá trình và hoạt động của UBND huyện An Lão trong phạm vi HTQLCL được thể hiện trong sơ đồ tương tác các quá trình dưới đây :



## 2.2 Các dịch vụ hành chính công UBND huyện An Lão cung cấp

Các thủ tục hành chính UBND huyện cung cấp được thể hiện trong danh mục dưới đây:

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu
<b>A</b>	<b>TÀI LIỆU HỆ THỐNG</b>	
1	Chính sách chất lượng	CSCL
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL
3	Mô hình hệ thống quản lý chất lượng	MHHT
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT.01
5	Hướng dẫn kiểm soát rủi ro	QT.02
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	QT.03
7	Hướng dẫn kiểm tra sự không phù hợp, hành động khắc phục	QT.04
8	Hướng dẫn xem xét lãnh đạo	QT.05
<b>B</b>	<b>VĂN PHÒNG HĐND&amp;UBND HUYỆN (1QT)</b>	
9	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	QT.VP.01
<b>C</b>	<b>PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG (47 QT)</b>	
	<b>Lĩnh vực kinh doanh khí</b>	
1	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG	QT.KT.01
2	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.02
3	Quy trình Cấp Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KT.03
	<b>Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng</b>	
4	Quy trình Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.04
5	Quy trình Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.05
6	Quy trình Cấp Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KT.06

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	<b>Lĩnh vực lưu thông hàng hóa</b>	
7	Quy trình Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	QT.KT.07
8	Quy trình Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.08
9	Quy trình Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KT.09
10	Quy trình Cấp giấy phép bán lẻ thuốc lá	QT.KT.10
11	Quy trình Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ thuốc lá	QT.KT.11
12	Quy trình Cấp lại Giấy phép bán lẻ thuốc lá	QT.KT.12
	<b>Lĩnh vực công nghiệp địa phương</b>	
13	Quy trình Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	QT.KT.13
	<b>Lĩnh vực xây dựng</b>	
14	Quy trình Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KT.14
15	Quy trình Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.KT.15
16	Quy trình Cấp Giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KT.16
17	Quy trình Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KT.17
18	Quy trình Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn	QT.KT.18

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu
	cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
19	Quy trình Cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến, theo tuyến trong đô thị, tín ngưỡng, tôn giáo, tượng đài, tranh hoành tráng, theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KT.19
	<b>Lĩnh vực quy hoạch xây dựng</b>	
20	Quy trình thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KT.20
21	Quy trình Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.	QT.KT.21
22	Quy trình cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	QT.KT.22
	<b>Lĩnh vực nhà ở</b>	
23	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	QT.KT.23
	<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>	
24	Quy trình Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.KT.24
25	Quy trình Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.KT.25
26	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.KT.26
27	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.KT.27
28	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.KT.28
29	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.KT.29

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
30	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.KT.30
31	Quy trình Cấp lại Giấy Chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.KT.31
32	Quy trình Xóa Đăng ký phương tiện	QT.KT.32
33	Quy trình Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông	QT.KT.33
34	Quy trình Công bố hoạt động bến khách ngang sông	QT.KT.34
35	Quy trình Công bố lại hoạt động bến khách ngang sông	QT.KT.35
36	Quy trình Gia hạn hoạt động bến khách ngang sông	QT.KT.36
37	Quy trình Đổi tên bến khách ngang sông	QT.KT.37
38	Quy trình Cho ý kiến về việc cải tạo, nâng cấp bến khách ngang sông	QT.KT.38
39	Quy trình Công bố đóng bến khách ngang sông	QT.KT.39
40	Quy trình Gia hạn hoạt động bến thủy nội địa	QT.KT.40
41	Quy trình Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT.KT.41
42	Quy trình Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.KT.42
43	Quy trình Công bố hoạt động bến thủy nội địa	QT.KT.43
44	Quy trình Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT.KT.44
45	Quy trình Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	QT.KT.45
	<b>Lĩnh vực đường bộ</b>	
46	Quy trình Cấp Giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường không vào mục đích giao thông	QT.KT.46
47	Quy trình cấp lại Giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường không vào mục đích giao thông	QT.KT.47
<b>D</b>	<b>PHÒNG GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO (26 QT)</b>	
	<b>Lĩnh vực giáo dục mầm non</b>	
1	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập	QT.GD.01



<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	
2	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GD.02
3	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD.03
4	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GD.04
5	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT.GD.05
	<b>Lĩnh vực giáo dục Tiểu học</b>	
6	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT.GD.06
7	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GD.07
8	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GD.08
9	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.GD.09
10	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GD.10
	<b>Lĩnh vực giáo dục Trung học</b>	
11	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT.GD.11
12	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GD.12
13	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT.GD.13
14	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT.GD.14
15	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.GD.15
16	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc THCS	QT.GD.16
17	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	QT.GD.17
18	Tuyển sinh THCS	QT.GD.18
19	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.GD.19
	<b>Lĩnh vực dân tộc</b>	

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
20	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GD.20
21	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD.21
22	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD.22
23	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT.GD.23
24	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GD.24
	<b>Lĩnh vực GDDT thuộc HT giáo dục quốc dân</b>	
25	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD.25
26	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, THCS tư thục, và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	QT.GD.26
<b>E</b>	<b>PHÒNG TƯ PHÁP (33 QT)</b>	
	<b>Lĩnh vực hộ tịch</b>	
1	Quy trình Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.01
2	Quy trình Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.02
3	Quy trình Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.03
4	Quy trình Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.04
5	Quy trình Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.05
6	Quy trình Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.06
7	Quy trình Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.07
8	Quy trình Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.TP.08
9	Quy trình Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.09
10	Quy trình Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước	QT.TP.10

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	ngoài	
11	Quy trình Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.TP.11
12	Quy trình Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.12
13	Quy trình Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP.13
14	Quy trình Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.14
15	Quy trình Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.15
	<b>Lĩnh vực chứng thực</b>	
16	QT Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp	QT.TP.16
17	Quy trình Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp	QT.TP.17
18	Quy trình Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT.TP.18
19	Quy trình Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hợp đồng giao dịch	QT.TP.19
20	Quy trình sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TP.20
21	Quy trình cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP.21
22	Quy trình Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.TP.22
23	Quy trình Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT.TP.23
	<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>	
24	Quy trình thủ tục Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.24
	<b>Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở</b>	
25	Thực hiện hỗ trợ hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng	QT.TP.25

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	
	<b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>	
26	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (Lĩnh vực bồi thường nhà nước)	QT.TP.26
27	Phục hồi danh dự	QT.TP.27
	<b>Lĩnh vực hộ tịch</b>	
28	Quy trình Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT.TP.28
29	Quy trình Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TP.29
	<b>Lĩnh vực chứng thực</b>	
30	Quy trình Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TP.30
31	Quy trình Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt nam cấp hoặc chứng nhận.	QT.TP.31
32	Quy trình Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có thẩm quyền của Việt nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.32
33	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.TP.33
<b>F</b>	<b>PHÒNG NỘI VỤ (31 QT)</b>	
	<b>Lĩnh vực Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước (06 QT)</b>	
1	Quy trình thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.01
2	Quy trình thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.02
3	Quy trình thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.03
4	Quy trình thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT.NV.04
5	Quy trình thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT.NV.05
6	Quy trình thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT.NV.06
	<b>Lĩnh vực Tôn giáo ( 08 QT)</b>	
7	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại	QT.NV.07

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
8	Quy trình Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc huyện	QT.NV.08
9	Quy trình Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc huyện	QT.NV.09
10	Quy trình Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở huyện	QT.NV.10
11	Quy trình Thủ tục đề nghị tổ chức Đại hội của Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở huyện	QT.NV.11
12	Quy trình Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở huyện	QT.NV.12
13	Quy trình Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.NV.13
14	Quy trình Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.NV.14
	<b>Lĩnh vực thi đua-Khen thưởng (7QT)</b>	
15	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về khen thưởng cho gia đình	QT.NV.15
16	Quy trình Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT.NV.16
17	Quy trình Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	QT.NV.17
18	Quy trình Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT.NV.18
19	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo chuyên đề	QT.NV.19
20	Quy trình Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích đột xuất	QT.NV.20
21	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện theo công trạng	QT.NV.21

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	<b>Lĩnh vực công tác hội (7QT)</b>	
22	Công nhận ban vận động thành lập hội	QT.NV.22
23	Thành lập hội	QT.NV.23
24	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT.NV.24
25	Phê duyệt điều lệ Hội	QT.NV.25
26	Đổi tên hội	QT.NV.26
27	Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội	QT.NV.27
28	Hội tự giải thể	QT.NV.28
	<b>Lĩnh vực viên chức</b>	
29	Thủ tục xét tuyển Viên chức	QT.NV.29
30	Thủ tục thi tuyển Viên chức	QT.NV.30
31	Thủ tục tiếp nhận vào Viên chức	QT.NV.31
<b>G</b>	<b>PHÒNG TÀI NGUYÊN-MÔI TRƯỜNG ( 26 QT)</b>	
	<b>Lĩnh vực đất đai</b>	
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT.TNMT.1
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QT.TNMT.2
3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện không chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QT.TNMT.3
4	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QT.TNMT.4

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu
5	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QT.TNMT.5
6	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT.TNMT.6
7	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT.TNMT.7
8	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng đất giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT.TNMT.8
9	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân	QT.TNMT.9
10	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó	QT.TNMT.10

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	khẩn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở	
11	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QT.TNMT.1 1
12	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.TNMT.1 2
13	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.TNMT.1 3
14	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng đất là cá nhân	QT.TNMT.1 4
15	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	QT.TNMT.1 5
16	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QT.TNMT.1 6
17	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QT.TNMT.1 7
18	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT.TNMT.1 8
19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	QT.TNMT.1 9
	<b>Lĩnh vực môi trường</b>	
20	Cấp giấy phép môi trường	QT.TNMT.2 0
21	Cấp đổi giấy phép môi trường	QT.TNMT.2 1
22	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	QT.TNMT.2 2
23	Cấp lại giấy phép môi trường	QT.TNMT.2 3
	<b>Lĩnh vực biển đảo</b>	



<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
24	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu	QT.TNMT.2 4
	<b>Lĩnh vực tài nguyên nước</b>	
25	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.TNMT.2 5
26	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT.TNMT.2 6
<b>H</b>	<b>THANH TRA (8 QT)</b>	
1	QT Tiếp công dân	QT.TT.01
2	QT Xử lý đơn thư	QT.TT.02
3	QT Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT.TT.03
4	QT Giải quyết khiếu nại lần hai	QT.TT.04
5	Quy trình Giải quyết tố cáo	QT.TT.05
6	Quy trình kê khai tài sản, thu nhập	QT.TT.06
7	Quy trình tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.TT.07
8	Quy trình thực hiện giải trình	QT.TT.08
<b>I</b>	<b>PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN (09 QT)</b>	
	<b>Lĩnh vực văn hóa cơ sở</b>	
1	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội	QT.VH.01
2	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	QT.VH.02
	<b>Lĩnh vực Thư viện</b>	
3	Thủ tục Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VH.03
4	Thủ tục Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VH.04
5	Thủ tục Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở	QT.VH.05

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu
	giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	
	<b>Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông</b>	
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VH.06
7	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VH.07
8	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VH.08
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VH.09
<b>J</b>	<b>PHÒNG LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (25 QT)</b>	
	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>	
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.LĐ.01
2	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện	QT.LĐ.02
3	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.LĐ.03
4	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.LĐ.04
5	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.LĐ.05
6	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.LĐ.06
7	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.LĐ.07
8	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.LĐ.08
9	Đăng ký thay đổi nội dung GCN thành lập đối với cơ sở trợ giúp	QT.LĐ.09

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	
10	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT.LĐ.10
11	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.LĐ.11
12	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	QT.LĐ.12
13	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.LĐ.13
14	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.LĐ.14
15	Dừng trợ cấp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.LĐ.15
	<b>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>	
16	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.LĐ.16
17	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.	QT.LĐ.17
	<b>Lĩnh vực Lao động</b>	
18	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT.LĐ.18
	<b>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội</b>	
19	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.LĐ.19
20	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.LĐ.20
21	Công bố lại tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.LĐ.21
22	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma	QT.LĐ.22

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	
	<b>Lĩnh vực Trẻ em</b>	
23	Áp dụng biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách lý trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.LĐ.23
24	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.LĐ.24
	<b>Lĩnh vực Người có công</b>	
25	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.LĐ.25
<b>K</b>	<b>PHÒNG Y TẾ (1QT)</b>	
1	Quy trình Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP	QT.YT.01
<b>M</b>	<b>PHÒNG NN &amp; PTNT (16 QT)</b>	
1	Hỗ trợ dự án liên kết	QT.NN.01
2	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	QT.NN.02
3	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái.	QT.NN.03
4	Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	QT.NN.04
5	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	QT.NN.05
6	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT.NN.06
7	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn hồ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT.NN.07
8	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT.NN.08
9	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02	QT.NN.09

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	xã trở lên)	
10	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.NN.10
11	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.NN.11
12	Công bố mở cảng loại 3	QT.NN.12
13	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	QT.NN.13
14	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình cá nhân	QT.NN.14
15	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	QT.NN.15
16	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác, chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước.	QT.NN.16
<b>N</b>	<b>PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH (33 QT)</b>	
	<b>Lĩnh vực quản lý công sản</b>	
1	QT mua quyền hóa đơn	QT.TC.01
2	Mua hóa đơn bán lẻ	QT.TC.02
	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh</b>	
3	Quy trình Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.TC.03
4	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.TC.04
5	Quy trình Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT.TC.05
6	Quy trình Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TC.06
7	Quy trình Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.TC.07
	<b>Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã, liên hiệp</b>	

TT	Tên tài liệu	Mã số tài liệu
	<b>hợp tác xã, tổ hợp tác</b>	
8	Quy trình Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	QT.TC.08
9	Quy trình Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	QT.TC.09
10	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.TC.10
11	Quy trình Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.11
12	Quy trình Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.TC.12
13	Quy trình Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.13
14	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.14
15	Quy trình Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.TC.15
16	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.16
17	Quy trình Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.17
18	Quy trình Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.18
19	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QT.TC.19
20	Đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai	QT.TC.20

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mã số tài liệu</b>
	trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	
21	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng không phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Hợp tác xã 2023	QT.TC.21
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT.TC.22
23	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QT.TC.23
24	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	QT.TC.24
25	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	QT.TC.25
26	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QT.TC.26
27	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.27
28	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QT.TC.28
29	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.29
30	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	QT.TC.30
31	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.31
32	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.32
33	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.TC.33